

Số: **23** /2019/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **24** tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về bảo vệ môi trường làng nghề
trên địa bàn thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Luật Thủ đô số 25/2013/QH13;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về Quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại các Tờ trình: số 1382/TTr-STNMT-KTTV&BĐKH ngày 26 tháng 02 năm 2019; số 7297/TTr-STNMT-KTTV&BĐKH ngày 06 tháng 8 năm 2019 về việc ban hành Quy định về bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội; ý kiến tham định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 383/BC-STP ngày 30/11/2018 và văn bản số 260/STP-VBPQ ngày 29/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **04** tháng **11** năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH Thành phố;
- Văn phòng HĐND TP;
- Công Giao tiếp điện tử TP
- CVP, PCVP Phạm Văn Chiến;
- TH, ĐT, KT, TKBT;
- Trung tâm tin học công báo;
- Lưu: VT

46
401
26796 - 110
43099
4023

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung

QUY ĐỊNH

Về bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội
(Ban hành kèm theo Quyết định số **23** /2019/QĐ-UBND
ngày **24** tháng **10** năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý, bảo vệ môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (gọi chung là UBND cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là UBND cấp xã); Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn hoạt động trên địa bàn thành phố bao gồm: doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở).

Điều 3. Giải thích các từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Làng nghề* là một (01) hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, xóm, làng, khu phố hoặc các điểm dân cư tương tự trên địa bàn một xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn bao gồm: Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn; Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ; Sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh; Sản xuất muối; Các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn.

2. *Làng nghề được công nhận*: là Làng nghề đảm bảo các tiêu chí theo Khoản 3, điều 5 của Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

3. *Kết cấu hạ tầng về bảo vệ môi trường làng nghề* bao gồm: Hệ thống thu gom nước thải, nước mưa; Hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống xử lý khí thải (nếu có); Điểm tập kết chất thải rắn; khu xử lý chất thải rắn.

4. *Sản xuất sạch hơn* là việc cải tiến quá trình sản xuất sản phẩm và dịch vụ nhằm giảm sử dụng tài nguyên, hạn chế phát sinh các tác nhân gây ô nhiễm môi trường không khí, nước và đất, giảm thiểu rủi ro cho con người và môi trường.

5. *Công nghệ thân thiện môi trường* là công nghệ sử dụng tiết kiệm tài nguyên, giảm tối đa việc phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe của con người.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ

Điều 4. Điều kiện về tiêu chí môi trường trong việc xét, công nhận làng nghề

1. Làng nghề phải đáp ứng các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 12 của Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (*sau đây viết tắt là Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT*) này để được xem xét, công nhận làng nghề.

2. Đối với làng nghề đã được công nhận làng nghề trước khi Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT có hiệu lực thi hành (ngày 01 tháng 12 năm 2016) nhưng chưa đáp ứng các điều kiện về bảo vệ môi trường tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 12 của Thông tư thì UBND cấp huyện chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với UBND cấp xã tổ chức thực hiện việc khắc phục theo quy định tại Khoản 5 Điều 12 của Thông tư này.

Điều 5. Phân loại làng nghề theo mức độ ô nhiễm.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội chủ trì, phối hợp với UBND các quận, huyện và thị xã có làng nghề tổ chức đánh giá, phân loại làng nghề theo mức độ ô nhiễm môi trường được quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT.

2. Việc đánh giá, phân loại và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường làng nghề theo mức độ ô nhiễm môi trường được thực hiện định kỳ 02 năm/lần.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường, Đài truyền hình Hà Nội, Báo Hà Nội mới, Báo Kinh tế Đô thị và UBND cấp huyện có trách nhiệm công bố trên phương tiện thông tin, truyền thông danh mục làng nghề được đánh giá, phân loại theo mức độ ô nhiễm môi trường.

Điều 6. Biện pháp quản lý đối với làng nghề ô nhiễm môi trường và ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Biện pháp quản lý đối với làng nghề ô nhiễm môi trường và ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được quy định tại Điều 14 của Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT.

Điều 7. Hương ước, quy ước bảo vệ môi trường làng nghề

Hương ước, quy ước bảo vệ môi trường làng nghề được xây dựng và thực hiện theo Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính

phủ về việc xây dựng, thực hiện quy ước, hương ước của làng, bản, thôn ấp, cụm dân cư.

Điều 8. Chính sách ưu đãi cho công tác bảo vệ môi trường đối với làng nghề được công nhận.

1. Các cơ sở sản xuất thuộc ngành nghề được khuyến khích phát triển được ưu tiên các chính sách khuyến khích phát triển làng nghề theo quy định tại Điều 21 của Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (*sau đây viết tắt là Nghị định số 19/2015/NĐ-CP*).

2. Được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 của Nghị quyết số 25/2013/NQ-HĐND ngày 04/12/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về “Chính sách khuyến khích phát triển vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung thành phố Hà Nội giai đoạn 2014-2020; chính sách khuyến khích phát triển làng nghề thành phố Hà Nội; chính sách hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn thành phố Hà Nội”.

3. Xã hội hóa trong lĩnh vực bảo vệ môi trường làng nghề:

a) UBND Thành phố khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng một phần hoặc toàn bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề.

b) Các tổ chức, cá nhân có hoạt động đầu tư, tham gia xã hội hóa trong lĩnh vực bảo vệ môi trường làng nghề được hưởng các chế độ ưu đãi về đầu tư và các ưu đãi khác theo quy định của UBND Thành phố và pháp luật hiện hành.

4. Trường hợp phải di dời vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoặc khu chăn nuôi, khu sản xuất tập trung bên ngoài khu dân cư, được xem xét hỗ trợ tiền thuê đất theo mức miễn, giảm theo quy định.

Điều 9. Thông tin và báo cáo

1. UBND cấp huyện, UBND cấp xã, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ sở trong làng nghề có trách nhiệm định kỳ báo cáo thông tin về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Chương III của Quy định này.

2. Thông tin về công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở, làng nghề được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng; được thông báo trong các cuộc họp của Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân các cấp, cuộc họp của cộng đồng dân cư hoặc niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân các cấp.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ sở trong làng nghề.

Thực hiện các quy định tại Điều 16 của Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và quy định tại Điều 17 của Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 11. Trách nhiệm của tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường

1. Tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường làng nghề là tổ chức được thành lập và hoạt động dựa trên nguyên tắc tự nguyện, cộng đồng trách nhiệm theo quy định tại Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường 2014.

2. Trách nhiệm của Tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường được quy định tại Điều 16 của Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác bảo vệ môi trường làng nghề được quy định tại Điều 17 của Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác bảo vệ môi trường làng nghề được quy định tại Điều 18 của Nghị định số 19/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Khoản 2 Điều 15 của Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 14. Trách nhiệm của các sở, ngành thuộc Thành phố.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho các tổ chức, cá nhân liên quan triển khai và thực hiện Quy định; Hướng dẫn nghiệp vụ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường của các quận, huyện và thị xã trong quá trình thực hiện Quy định này.

b) Theo dõi tổng hợp tình hình quản lý thực hiện Quy định này, đề xuất hướng giải quyết với Ủy ban nhân dân Thành phố đối với những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, rà soát, tham mưu UBND Thành phố bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung các nội dung của Quy định để đảm bảo phù hợp với thực tế hoạt động bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn thành phố và thống nhất với các quy định của pháp luật.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và chính quyền địa phương tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường làng nghề theo thẩm quyền.

d) Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện thực hiện điều tra, rà soát, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường làng nghề, công bố danh mục làng nghề bị ô nhiễm cần xử lý; xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường làng nghề và đề xuất giải pháp và triển khai các dự án xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt và tổ chức thực hiện.

đ) Báo cáo UBND Thành phố về hiện trạng hoạt động, tình hình phát sinh và quản lý, xử lý chất thải của làng nghề trên địa bàn trước ngày 30 tháng 12 hàng năm.

e) Chủ trì tổng hợp, cân đối nhu cầu kinh phí, thẩm định kế hoạch và dự toán ngân sách từ nguồn vốn sự nghiệp môi trường hàng năm để tổ chức thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường làng nghề của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Sở Tài chính báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố phê duyệt; phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách từ nguồn vốn sự nghiệp môi trường hàng năm để tổ chức thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường làng nghề sau khi được phê duyệt.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, tham mưu UBND Thành phố ban hành kế hoạch phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn gắn với các quy định về bảo vệ môi trường.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện xây dựng, tham mưu cho UBND Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành các cơ chế, chính sách quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường cho bảo tồn và phát triển làng nghề và hỗ trợ đối với các cơ sở trong làng nghề phải di dời ra khỏi khu dân cư hoặc chuyển đổi ngành nghề sản xuất.

c) Phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, triển khai các nhiệm vụ chuyên ngành về công tác bảo vệ môi trường làng nghề nông thôn theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan tổng hợp dự toán chi sự nghiệp môi trường để tổ chức thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường làng nghề trong dự toán ngân sách hàng năm của Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện báo cáo UBND thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch và bố trí vốn đầu tư công cho các chương trình, dự án bảo vệ môi trường làng nghề; Ưu tiên phân bổ kinh phí từ ngân sách của thành phố và các nguồn tài chính khác cho hoạt động bảo vệ môi trường làng nghề.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Theo chức năng, nhiệm vụ cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác để thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường làng nghề theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công và quy định pháp luật liên quan.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan đẩy mạnh kêu gọi xã hội hóa xử lý ô nhiễm môi trường tại các làng nghề.

5. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong quản lý việc thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của các cơ sở trong làng nghề theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về việc quản lý chất thải và phế liệu và Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an Thành phố điều tra, phát hiện và xử lý các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở trong làng nghề.

6. Sở Công thương:

a) Phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, triển khai các nhiệm vụ chuyên ngành về công tác bảo vệ môi trường làng nghề nông thôn theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc, UBND cấp huyện rà soát quy hoạch khu, cụm, điểm công nghiệp làng nghề; bố trí địa điểm và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở, hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại các làng nghề gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ảnh hưởng xấu đến cộng đồng để di chuyển vào các khu, cụm, điểm công nghiệp làng nghề tập trung có hạ tầng đồng bộ đảm bảo giảm thiểu ô nhiễm môi trường khi sản xuất và chất thải được xử lý tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.

7. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì thực hiện nghiên cứu công nghệ sản xuất sạch hơn, công nghệ xử lý môi trường phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của làng nghề.

b) Chủ trì nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường trong thiết kế và chế tạo sản phẩm làng nghề.

c) Hướng dẫn, cung cấp thông tin cho các cơ sở trong làng nghề về mô hình, áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, công nghệ xử lý môi trường phù hợp với điều kiện làng nghề.

d) Chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan giới thiệu, phổ biến công nghệ xử lý nước thải, rác thải, khí thải phù hợp với điều kiện làng nghề.

8. Công an Thành phố

a) Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát; phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm theo thẩm quyền; tham mưu, đề xuất với UBND Thành phố ban hành các quy định và chế tài xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường làng nghề.

b) Tham gia, phối hợp đảm bảo an ninh môi trường của các cấp có thẩm quyền.

9. Đài phát thanh và truyền hình Hà Nội:

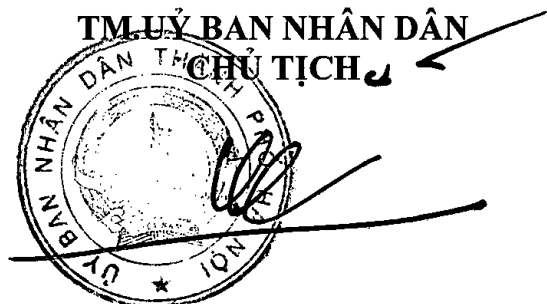
Công bố các thông tin về hiện trạng môi trường, công tác bảo vệ môi trường làng nghề trên các phương tiện thông tin, truyền thông của địa phương và

trong các cuộc họp Ủy ban nhân dân Thành phố, Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định.

Điều 15. Tổ chức thực hiện.

1. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Quy định này được bổ sung, sửa đổi hoặc thay thế thì thực hiện theo hiệu lực thi hành của các văn bản được bổ sung, sửa đổi hoặc thay thế và theo các quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường làng nghề có liên quan.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, có những nội dung cần phải điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp, phối hợp với các sở, ngành, các cấp chính quyền đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.



Nguyễn Đức Chung

